BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Quản trị kinh doanh 2 - K13

Môn thi: **Kinh tế Vi mô** Lần thi: **1** Giám thị 1: _____

Học kỳ: **1** Năm học: **2011 - 2012** Ngày thi: _____ Giám thị 2: _____

Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 3: _____

Tổng số bài: _____ Số tờ: _____ Giám thị 4: _____

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	1110090115	Nguyễn Thị Mỷ	Hạnh	10/09/1993	9.0			
2	1110090116	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	11/02/1993	8.0			
3	1110090117	Trần Thị Ngọc	Huyền	20/05/1993	8.0			
4	1110090118	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	10/08/1993	7.0			
5	1110090119	Phạm Thị Ngọc	Huyền	21/11/1993	8.0			
6	1110090120	Nguyễn Thị Hồng	Huyên	14/08/1993	6.0			
7	1110090121	Trần Minh	Kha	13/09/1993	5.0			
8	1110090122	Võ Văn	Khải	06/11/1993	5.0			
9	1110090123	Trần Hoàng	Khải	04/10/1993	5.0			
10	1110090124	Vũ Duy	Khải	03/10/1993	5.0			
11	1110090125	Lê Đăng	Khoa	09/05/1993	5.0			
12	1110090126	Lại Phạm An	Khương	24/09/1993	4.0			
13	1110090127	Nguyễn Thái	Kiệt	18/10/1993	5.0			
14	1110090128	Ngô Thị	Kiều	17/08/1992	8.0			
15	1110090129	Trần Thanh	Kiều	19/06/1993	6.0			
16	1110090130	Voòng Mỹ	Kim	17/02/1992	7.0			
17	1110090131	Hoàng Thị	Lan	27/11/1993	7.0			
18	1110090132	Huỳnh Minh Hạnh	Lan	31/05/1993	7.0			
19	1110090133	Trần Thị Ngọc	Lan	12/08/1993	7.0			
20	1110090134	Lê Văn	Lang	20/05/1992	5.0			
21	1110090135	Nguyễn Thị	Lài	02/03/1993	5.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
22	1110090136	Lê Thi Mỹ	Lài	06/08/1993	8.0			
23	1110090137	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	08/02/1993				
24	1110090138	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	07/03/1993	8.0			
25	1110090139	Văn Thị	Lệ	11/01/1993	7.0			
26	1110090140	Huỳnh Thị Mĩ	Liệu	21/01/1993	7.0			
27	1110090141	Khổng Gia	Lìn	26/04/1992	6.0			
28	1110090142	Lê Hoàng Yến	Linh	09/04/1993	7.0			
29	1110090143	Vũ Phương	Linh	18/10/1993	7.0			
30	1110090144	Trần Văn Hoài	Linh	06/05/1992	6.0			
31	1110090145	Phan Thụy Phương	Linh	02/12/1991	6.0			
32	1110090146	Hồ Cẩm	Linh	16/11/1990	8.0			
33	1110090147	Cao Thị Thùy	Linh	21/09/1993	7.0			
34	1110090148	Lê Tuyết Lâm	Linh	12/10/1993	6.0			
35	1110090149	Võ Thị Thùy	Linh	11/02/1993	6.0			
36	1110090150	Đỗ Hữu	Lộc	29/01/1993	4.0			
37	1110090151	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	26/06/1993	6.0			
38	1110090152	Nguyễn Hoàng	Long	13/09/1992	5.0			
39	1110090153	Lý	Long	16/07/1993	6.0			
40	1110090154	Nguyễn Tấn Minh	Luận	09/07/1993	6.0			
41	1110090155	Đặng Thị	Lúa	25/12/1993	6.0			
42	1110090156	Huỳnh Thị	Lý	06/01/1993	5.0			
43	1110090157	Nguyễn Thị Thanh	Lý	30/08/1993	5.0			
44	1110090158	Nguyễn Văn	Lý	14/01/1993				
45	1110090159	Nguyễn Minh	Mẫn	17/05/1992	3.0			
46	1110090160	Phan Thị	Mẫn	20/07/1993	9.0			
47	1110090161	Nguyễn Thị Thu	Mai	12/08/1993	7.0			
48	1110090162	Nguyễn Thị	Mai	09/02/1993	7.0			
49	1110090163	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17/07/1993	6.0			
50	1110090164	Hồ Thị	Mai	07/08/1993	5.0			
51	1110090165	Trần Thị Huỳnh	Mai	20/04/1992	4.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
52	1110090166	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	12/05/1993				
53	1110090167	Tiêu Thị Diễm	Mi	1993	6.0			
54	1110090168	Trần Thị	Miên	26/05/1992				
55	1110090169	Nguyễn Văn Nhựt	Minh	22/03/1993	6.0			
56	1110090170	Nguyễn Hoàng	Minh	27/11/1993				
57	1110090171	Trần Thanh	Minh	01/03/1993	4.0			
58	1110090172	Hoàng Đức	Minh	14/01/1993				
59	1110090173	Nguyễn Hồng	My	22/02/1993	4.0			
60	1110090174	Hà Lệ	My	15/11/1992	3.0			
61	1110090175	Lê Ngọc Thảo	My	04/10/1993	6.0			
62	1110090176	Phan Xuân	Mỹ	11/02/1993	5.0			
63	1110090177	Trần Huỳnh Hoàng	Mỹ	10/08/1993	7.0			
64	1110090178	Nguyễn Khánh	Đăng	12/12/1993	7.0			
65	1110090179	Lương Hiền	Đạo	21/07/1993	5.0			
66	1110090180	Nguyễn Thành	Đạt	08/10/1993	5.0			
67	1110090181	Nguyễn Thành	Nam	22/03/1991	3.0			
68	1110090182	Vũ Hoàng	Nam	15/07/1993	7.0			
69	1110090183	Hoàng Thị	Đài	03/01/1993	6.0			
70	1110090184	Tạ Thị	Đào	06/06/1993	8.0			
71	1110090185	Huỳnh Thị Ngọc	Đào	01/01/1993				
72	1110090186	Hoàng Thị Anh	Đào	28/01/1992	4.0			
73	1110090187	Nguyễn Thị Tuyết	Đào	15/08/1993	6.0			
74	1110090188	Huỳnh Thị Hồng	Đào	04/11/1992	6.0			
75	1110090189	Trần Thị Thanh	Đào	09/05/1993	4.0			
76	1110090190	Nguyễn Thị	Nga	02/09/1993	7.0			
77	1110090191	Nguyễn Thị Hồng	Nga	01/11/1993	4.0			
78	1110090192	Nguyễn Thị	Nga	05/06/1993	4.0			
79	1110090193	Trần Thị Thanh	Nga	24/04/1992	5.0			
80	1110090194	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10/11/1993	7.0			
81	1110090195	Nguyễn Thị Giang	Ngân	03/08/1993	6.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
82	1110090196	Nguyễn Thị Ái	Ngân	05/06/1993	3.0			
83	1110090197	Bùi Thị Thu	Ngân	03/11/1993	4.0			
84	1110090198	Nguyễn Mai Kim	Ngân	15/06/1993	4.0			
85	1110090199	Nguyễn Ánh	Ngân	28/09/1993	5.0			
86	1110090200	Nguyễn Thị Ánh	Ngân	02/02/1993	5.0			
87	1110090201	Lưu Thị Kim	Ngân	13/10/1993	4.0			
88	1110090202	Đặng Thị Ái	Ngân	11/05/1993	4.0			
89	1110090203	Lê Hoàng	Ngân	10/11/1993	5.0			
90	1110090204	Nguyễn Thị Kim	Ngân	11/03/1993				
91	1110090205	Ngô Thị Kim	Ngân	19/04/1993				
92	1110090206	Đoàn Thị	Ngà	17/04/1993	5.0			
93	1110090207	Lư Trọng	Nghĩa	29/10/1992	4.0			
94	1110090208	Đỗ Trọng	Nghĩa	17/11/1993	5.0			
95	1110090209	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/06/1992	4.0			
96	1110090210	Tăng Thúy	Ngọc	08/10/1992	5.0			
97	1110090211	Đoàn Thu	Ngọc	01/07/1993	4.0			
98	1110090212	Võ Thị Mỹ	Ngọc	13/03/1993	4.0			
99	1110090213	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/02/1993	7.0			
100	1110090214	Phạm Thị Bích	Ngọc	20/10/1993	8.0			
101	1110090215	Nguyễn Bích	Ngọc	28/12/1992	4.0			
102	1110090216	Nguyễn Hoàng Bội	Ngọc	29/04/1993	8.0			
103	1110090217	Đỗ Thị Bích	Ngọc	07/06/1993	7.0			
104	1110090218	Trần Thị Quý	Ngọc	06/07/1993	7.0			
105	1110090219	Trần Sỹ	Nguyên	24/07/1993	3.0			
106	1110090220	Hồ Thị Thảo	Nguyên	14/04/1993				
107	1110090221	Phan Duy	Nguyên	09/03/1990	5.0			
108	1110090222	Lê Văn	Nhất	17/02/1993	6.0			
109	1110090223	Võ Thị Mai	Phương	29/06/1993	7.0			
110	1110090224	Vũ Trắng Tố	Tâm	17/12/1991	6.0			
111	1110090233	Vương Đình	Nguyễn	20/08/1992	7.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
112	1110090261	Nguyễn Tấn	Phong	30/04/1993	8.0			
113	1110090446	Phan Xuân	Ý	11/02/1993	5.0			

Ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .

CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)